

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / UBND-TC

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

Về việc triển khai mức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2022 -2023)

Kính gửi : Ban quản lý nước sạch & VSMT huyện

Căn cứ Công văn số 4583/UBND-KTN ngày 29 tháng 07 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 6294/UBND-KTN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc công bố đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Bình Định và Hướng dẫn số 03/HD-SXD ngày 30/7/2009 của Sở xây dựng Bình Định hướng dẫn lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 08 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tuy Phước lộ trình 02 năm (2022 – 2023).

Căn cứ vào mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt ngày 29/08/2022. UBND huyện Tuy Phước có ý kiến như sau:

1. Giao BQL nước sạch & VSMT huyện:

- Ban hành Quyết định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tuy Phước lộ trình 02 năm (2022 – 2023) trước ngày 10/09/2022 để triển khai thực hiện (**Chi tiết theo phụ lục đính kèm**).

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện: Xây dựng kế hoạch và triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt lộ trình 02 năm (2022 – 2023) theo đúng quy định; tuyên truyền cho nhân dân các quy định của tỉnh và huyện về việc thực hiện dịch vụ công ích theo cơ chế giá để biết thực hiện.

2. Giao UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị và các hội đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn huyện thông báo, tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và nhân dân về việc triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt lộ trình 02 năm (2022 – 2023) theo đúng quy định.

Nhận được văn bản này đề nghị Ban quản lý nước sạch & VSMT huyện, UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Xuân

PHỤ LỤC
ĐƠN GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN THU GOM VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUY PHƯỚC
LỘ TRÌNH 02 NĂM (2022-2023)

STT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)	
			Năm 2022	Năm 2023
I	Đối với hộ gia đình, cá nhân			
1	Khu vực đô thị			
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường phố.			
-	<i>Đường được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng</i>	đồng/hộ/tháng	19.000	21.000
-	<i>Đường chưa được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc chưa được bê tông xi măng và các đường nội bộ ở các khu quy hoạch dân cư</i>	đồng/hộ/tháng	16.000	18.000
b	Hộ có nhà ở trong ngõ, hẻm; hộ ở các khu nhà tập thể, chung cư cao tầng và khu vực khác	đồng/hộ/tháng	13.000	14.000
2	Các khu vực còn lại (không kể điểm 1 Mục I)			
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường phố, mặt đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ.	đồng/hộ/tháng	16.000	18.000
b	Hộ có nhà ở khu vực khác	đồng/hộ/tháng	10.000	11.000
II	Đối với các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ			
1	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ tại nhà			
a	<i>Có kinh doanh ăn uống</i>			
-	<i>Hộ bán hàng có ít chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	34.000	38.000
-	<i>Hộ bán hàng có chất thải bình thường</i>	đồng/hộ/tháng	48.000	54.000
-	<i>Hộ bán hàng có nhiều chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	61.000	69.000
b	Các loại kinh doanh khác			
-	<i>Hộ bán hàng có ít chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	27.000	30.000
-	<i>Hộ bán hàng có chất thải bình thường</i>	đồng/hộ/tháng	34.000	38.000
-	<i>Hộ bán hàng có nhiều chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	48.000	54.000
2	Hộ kinh doanh ở chợ (Áp dụng đối với hộ kinh doanh buôn bán cố định)			
a	<i>Mức thu ban quản lý, đơn vị quản lý chợ thu các hộ đối với chợ tại các phường thuộc thị xã; chợ tại thị trấn và tại các xã</i>			
-	Hộ bán hàng có nhiều chất thải	đồng/hộ/tháng	34.000	38.000
-	Hộ bán hàng có chất thải bình thường	đồng/hộ/tháng	27.000	30.000
-	Hộ bán hàng có ít chất thải	đồng/hộ/tháng	20.000	22.000
b	<i>Mức thu đơn vị thu gom rác thải thu đối với ban quản lý, đơn vị quản lý chợ</i>	đồng/m ³	68.000	77.000

3	<i>Hộ kinh doanh cho thuê nhà trọ</i>			
-	Quy mô cho thuê (từ 01 - 05 phòng)	đồng/hộ/tháng	60.000	68.000
-	Quy mô cho thuê (từ 06 - 10 phòng)	đồng/hộ/tháng	70.000	80.000
-	Quy mô cho thuê (trên 10 phòng)	đồng/hộ/tháng	120.000	136.000
III	Trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp	đồng/đơn vị/tháng	104.000	118.000
	Riêng đối với các cơ sở dịch vụ như: căn tin, ký túc xá...trong các cơ quan, đơn vị, trường học.	đồng/m ³	119.000	136.000
IV	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống	đồng/m ³	148.000	168.000
		đồng /đơn vị/tháng	222.000	253.000
V	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, nhà ga, bến tàu, bến xe	đồng/m ³	148.000	168.000
VI	Đối với các công trình xây dựng	đồng/m ³	148.000	168.000